

Số: 154/BVDL-KD
V/v yêu cầu báo giá hàng hóa

TP Vinh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện Da liễu Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự toán chi thường xuyên, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Da liễu Nghệ An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Vật tư y tế, Bệnh viện Da liễu Nghệ An.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 130 Lê Hồng Phong - Tp Vinh - Tỉnh Nghệ an
 - Nhận qua email: donduocbvtp@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 27 tháng 06 năm 2025 đến trước 17h ngày 07 tháng 07 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: (chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo)
- Mẫu báo giá: (Phụ lục 02 kèm theo).

Nơi nhận:

- Ban giám đốc (đề b/c);
- Đăng tải website Bệnh viện;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
DA LIỄU
NGHỆ AN
Nguyễn Thái Dũng



PHỤ LỤC 01

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU CHÀO GIÁ

(Ban hành kèm theo Công văn số 154 /BVDL-KD ngày 27/06/2025 của Bệnh viện Đa Liễu Nghệ An)

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách
1	VT01	Cồn y tế 70 độ	- Hàm lượng Ethanol đạt 70% -Quy cách: Can ≥ 5 lít	Lít	
2	VT02	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai ≥ 500 ml, đầu bơm dài 6.5cm dễ dàng thao tác khi sử dụng, sát khuẩn nhanh trong 30s để khô tự nhiên không cần rửa lại với nước, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. thành phần, hàm lượng của hoạt chất: 50%w/w Ethanol +30%w/w Isopropyl Alcohol + 0.5% Chlorhexidine gluconate. Có phiếu kiểm định thành phần của cơ quan chức năng, phiếu khảo nghiệm viện vệ sinh dịch tễ trung ương.	≥ 500 ml/chai	chai
3	VT03	Găng tay y tế có bột	Găng tay cao su tự nhiên, có bột dùng trong thăm khám; Chất liệu mũ cao su tự nhiên, Găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay; Màu sắc : Trắng; Kích cỡ : XS/S/M/L/XL; Cân nặng (gram)(± 0.2): lần lượt theo các cỡ 5.2; 5.6; 6.0; 6.4; 6.8; Chiều dài : 240mm ± 5 ; Độ dày (mm) : ≥ 0.09 (lòng bàn tay), ≥ 0.11 (đầu ngón tay); Lực kéo đứt trước lão hóa : tối thiểu 20MPa; Lực kéo đứt sau lão hóa : tối thiểu 16MPa; Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa : tối thiểu 700%; Độ giãn dài khi đứt sau lão hóa : tối thiểu 600%; Hàm lượng bột : Tối đa 10 mg/dm ² ; Hàm lượng Protein hòa tan : Tối đa 100 μ g/dm ² ; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 10993; CE MDR 2017/745; GMP FDA	Đôi	≥ 50 đôi/hộp
4	VT04	Băng cá nhân trong suốt	Băng cá nhân trong suốt, kích thước 18x70 mm. Băng làm từ vật liệu Polyethylene, bông sợi phủ lớp Polyathylene không gây dính vết thương. Keo Acrylic. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Miếng	≥ 100 miếng/hộp
5	VT05	Khẩu trang 4 lớp	Khẩu trang y tế gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn (metlblown hoặc SMS). - Vải không dệt 3S + Giấy lọc kháng khuẩn dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. - Thanh tựa mũi: bằng nhựa định hình, an toàn khi sử dụng, quai đeo mềm không gây kích ứng da	Cái	≥ 50 cái/hộp
6	VT06	Kim tiêm	Yêu cầu ít nhất có các số: 18G –20G-22G-24G. 'Sản phẩm đóng gói riêng lẻ, không chứa DEHP và chất gây sốt. Tiệt trùng.	Cái	≥ 100 cái/hộp

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách
7	VT07	Dung dịch sát khuẩn Povidone	Chai ≥ 500ml, sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn da trong y tế (không dùng cho niêm mạc vết thương hở, diệt khuẩn sau một phút tiếp xúc, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. thành phần, hàm lượng của hoạt chất: 10%w/v povidone iodine tương đương với 1% w/v iodine tự do. Có phiếu kiểm định thành phần của cơ quan chức năng, phiếu khảo nghiệm viện vệ sinh dịch tễ trung ương.	chai	≥500ml/chai
8	VT08	Bộ dây truyền dịch có bộ điều chỉnh giọt chính xác	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ truyền dịch 20 giọt/ml. - Chiều dài dây 1.5-2m - Đường kính trong dây: 3 mm. Đường kính ngoài dây 4.1 mm. Chịu áp lực 2-3 bar, có màng lọc dịch 15µm tại bầu dịch. Thể tích bầu ≥ 8.5 ml - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Đầu khóa vặn xoắn Luer lock - Bộ điều chỉnh lưu lượng truyền dịch chính xác 0-300 ml/h. - Ngắt dịch dễ dàng bằng khóa khẩn cấp (kẹp chặn) . - Công tiêm thuốc chữ Y an toàn , latex free. - Nhựa y tế không có chất cấm DEHP , không gây độc tố , an toàn cho bệnh nhân - Tiết trùng bằng khí EO - Đạt chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, GMP-FDA 	Bộ	1 bộ/túi
9	VT09	Presept	<p>Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH 6.2 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP, 	Viên	≥100viên/hộp
10	VT10	Băng dính lụa 5cm x6m	<p>Hộp ≥ 6 cuộn, Kích thước: 50mm x 6m; chất liệu vải không đan dệt, bột giấy polyester, keo acrylic ít dị ứng, không chứa cao su, lực dính cao, liên kết mạnh, không chứa chất phồng xà</p> <p>Kháng tia UV Độ dính 2.67+1.00,-1.01/12mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</p>	Cuộn	≥6 cuộn/ hộp

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách
11	VT11	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Thành phần: 6,5% Didecylidimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 17111 Đạt tiêu chuẩn ISO 15883, diệt khuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111	Can	≥5 lít/ can
12	VT12	Bông y tế thấm nước	- Bông hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, đã loại bỏ lớp sáp, làm tơi. Quy trình sản xuất sử dụng nguồn nguyên liệu bông xơ cao cấp, xử lý kỹ thuật và độ chính xác cao. Tỷ lệ xơ dài nhiều, dai, chắc chắn, không có bụi khi dùng. - Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt, không mùi, bông có màu trắng, làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton dùng trong lĩnh vực y tế hoặc gia dụng (chăm sóc vết thương, thấm hút chất dịch, vệ sinh bề mặt da...) - Khả năng hút giữ nước : 5g bông giữ được ≥100 gram nước, tốc độ chìm ≤ 8s, chất tan trong nước: 0,19%, chất tan trong ether 0,15%. - Mất khối lượng do sấy khô: 4,87%. - Chất hoạt động bề mặt: chiều cao cột bọt: < 2mm. - Giới hạn acid-kiềm: không có màu hồng. - Không tìm thấy các sợi nào bị nhuộm màu. Tính khuếch tán của chất dạ quang: Đạt. - Hàm lượng clo dư: không có Clo - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, CE, GMP.	Kg	≥1 kg/ gói
13	VT13	Băng cuộn y tế	- Băng cuộn y tế là dạng Gạc y tế được dệt từ sợi 100% cotton, có chỉ số sợi là 32/1, mật độ sợi dọc và ngang là 7/8, độ ẩm dưới 8%. - Tốc độ hút nước nhanh ≤ 10s. - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính. Không có tinh bột hoặc Dextrin - Sợi chắc, mịn, không mùi (không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ), hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác, không có độc tố. - Băng được cắt hai đầu gọn không bị đổ lông khi mở băng.	≥5 cuộn/ gói	Cuộn



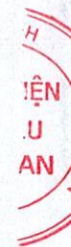
STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách
			<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 0,1m x 5m. Không tiết trùng. - Công dụng: thấm máu và thấm dịch trong phẫu thuật. 		
14	VT14	Gạc phẫu thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi ngang dọc là 32s/1, mật độ sợi ngang, dọc: 7/8, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không hồ hóa, không sử dụng chất nhuộm màu, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng - Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp. Đóng gói: 10 miếng/ gói, tiết trùng bằng khí EO, không cản quang. - Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng) - Chất hoạt động bề mặt: < 2mm - Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu. - Chất tan trong ether: không quá 0,5% - Chất tan trong nước: không quá 0,5% - Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% - Tro sunfat: không quá 0.4% - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016, TCCS, EC, GMP 	Miếng	≥10 miếng/ gói
15	VT15	Gel bôi trơn	<p>Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Water cất, Hydroxyethyl cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat. Giới hạn nhiễm khuẩn: - Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10¹ (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: < 10² (CFU/g hoặc CFU/ml).</p>	Tuýp	
16	VT16	Ambu Bóp bóng các loại	<p>Thiết bị hỗ trợ hô hấp nhân tạo (bóng bóp ambu) được thiết kế để hồi sức phổi. Chất liệu có thể khác nhau : Silicone, PVC, SEBS. Thiết kế mới van nạp 4 trong 1 , cấu trúc đơn giản, vận hành thuận tiện . dễ mang theo và hiệu quả thông gió tốt. Được sử dụng 1 lần để giảm nguy cơ lây nhiễm chéo cho vật liệu PVC và SEBS. Có thể tái sử dụng bằng cách ngâm trong chất khử trùng . Thiết bị hỗ trợ hô hấp nhân tạo bằng silicon có cảm giác mềm mại và khả năng phục hồi tốt. Phần chính và mặt nạ silicon có thể được tái sử dụng bằng cách khử trùng bằng nồi hấp .</p>	cái	≥ 1cái/túi

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách
17	VT17	Mũ giấy phẫu thuật vô trùng	Vật liệu làm từ vải không dệt Polypropylen cao cấp và sợi thun chất lượng cao, thiết kế dạng xếp, không thấm nước - Đặc điểm thoáng khí, mềm mại, đảm bảo phủ mọi kiểu tóc, thoải mái cho người sử dụng - Sử dụng 1 lần. - Tiệt trùng bằng khí EO, Gas	Cái	1 cái/ gói
18	VT18	Bơm tiêm tiểu đường B.Braun Omnican	Bơm tiêm B.Braun 1ml/qô I.U. . Có kim. Cỡ kim 30Gx1/2", kim dài 12mm, có các vạch chia 2 đơn vị màu đen trên ống. Tiêu chuẩn EN ISO 9626:2001.	Hộp	100 cái/1 hộp
19	VT19	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa 1ml. Có kim. Có các cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE	Hộp	100 cái/ hộp
20	VT20	Hộp đựng vật sắc nhọn bơm kim tiêm		Cái	
21	VT21	Dung dịch rửa vết thương Natri clorid 0.9%		Chai 500ml	Chai
22	VT22	Bao đựng rác thải y tế	Màu vàng, kích thước 50x65 cm	kg	
23	VT23	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn 	Cái	≥ 100 Cái /hộp (Kiện ≥2000 cái)

TIA
NH V
A LI
NHỆ
★

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách
			CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.		
24	VT24	Ống nghiệm lấy máu K3 EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Tripotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K3) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	≥ 100 ống/khay (Kiện ≥2400 ống)
25	VT25	Ống nghiệm lấy máu Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu.Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	≥100 ống/khay (Kiện ≥ 2400 ống)
26	VT26	Kim chích máu	Đâm lấy mẫu máu làm xét nghiệm, kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng, vô trùng.	Cái	
27	VT27	Côn y tế 90 độ	- Hàm lượng Ethanol đạt 90% - Quy cách: Can ≥ 5lít	Lít	
28	VT28	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác,,	Cái	≥1000chiếc/túi, ≥15.000c/thùng
29	VT29	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	≥500chiếc/túi, ≥15.000c/thùng
30	VT30	Test thử nhanh giang mai	Định tính phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Các kháng nguyên Tp tái tổ hợp. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.7%, Độ chính xác tương quan: 99.8%. Đọc kết quả tại 15 phút. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, HBV, Dengue, HIV, RF, Chlamydia, TB, H. pylori. Không bị gây nhiễu bởi các chất đó với nồng độ	Test	≥ 30 test/Hộp

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách
			trương ứng sau đây: Bilirubin 20 mg/dL, Creatinine 442 μ mol/L, Glucose 55 mmol/L		
31	VT31	Test nhanh chẩn đoán Chlamydia	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên Chlamydia trachomatis.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C - Ngưỡng phát hiện: 5×10^4 IFU/ml - Độ nhạy: 93,58% ; Độ đặc hiệu: 99,08% <p>Thành phần kit thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 μg/ml; 2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml; 3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml. <ul style="list-style-type: none"> - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis..... 	Test	≥ 30 test/Hộp
32	VT32	Lam kính mài	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ± 1 mm. Kính mài mờ 1 đầu.	Hộp	≥ 72 chiếc / hộp
33	VT33	Giấy in nhiệt	Kích thước: 58mm x 30m	Cuộn	
34	VT34	Hộp vật đựng sắc nhọn bơm kim tiêm	<p>Vật liệu làm hộp: carton trắng bóng kính 2 mặt, độ dày hộp 1,3-1,4mm. Khối lượng hộp rỗng: 300g.</p> <p>Biểu tượng: có in hình và chữ cảnh báo nguy hại theo quy định.</p> <p>Dùng để chứa chất thải sắc nhọn trong các phòng thủ thuật, phòng khám, phòng tiêm, phòng xét nghiệm, phòng lấy bệnh phẩm, trên xe tiêm.</p>	Cái	
35	VT35	Lamen	Kích thước: 22x22mm	Hộp	≥ 100 cái/hộp



PHỤ LỤC 02

BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Nghệ An

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Da Liễu Nghệ An, chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Đặc tính kỹ thuật	Mã HS ⁽⁴⁾ (nếu có)	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1											
2											
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày.... tháng.... năm.... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày... tháng... năm...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

NGHỆ